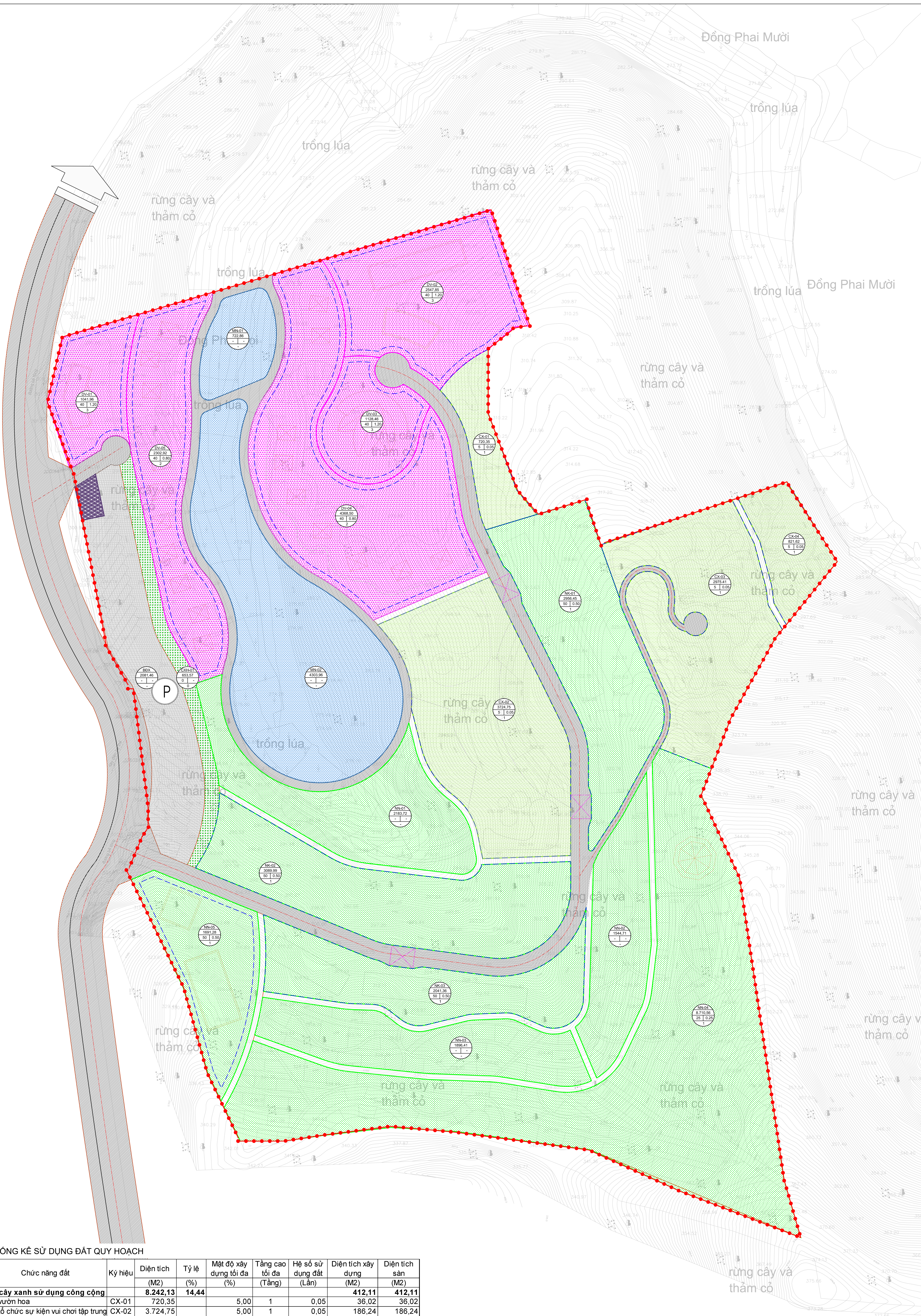
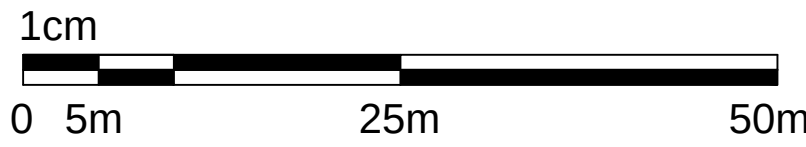
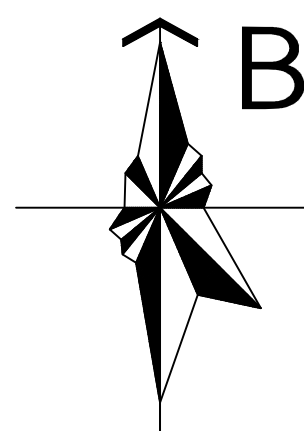


PHƯỜNG ĐÔNG KINH - TỈNH LẠNG SƠN
QUY HOẠCH CHI TIẾT DỰ ÁN SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP SẠCH
KẾT HỢP GIÁO DỤC TRẢI NGHIỆM VÀ DU LỊCH SINH THÁI, TỶ LỆ 1/500
BẢN ĐỒ SỬ DỤNG ĐẤT QUY HOẠCH



- KÝ HIỆU**
- ĐẤT CÂY XANH SỬ DỤNG CÔNG CỘNG
 - ĐẤT CÔNG TRÌNH DỊCH VỤ DU LỊCH
 - ĐẤT CÂY XANH SỬ DỤNG HẠN CHẾ
 - ĐƯỜNG GIAO THÔNG
 - ĐẤT BÃI ĐÓ XE
 - ĐẤT CT HA TẦNG KỸ THUẬT KHÁC
 - ĐẤT SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP
 - SÔNG, SUỐI, KÊNH, RẠCH
 - CHỈ GIỚI XÂY DỰNG
 - RANH GIỚI LẬP QUY HOẠCH
 - BÃI ĐÓ XE
- TÊN LÔ ĐẤT**
- DIỆN TÍCH LÔ ĐẤT (M2)**
- TẦNG CAO TỐI ĐA (TẦNG)**
- HSSDD (LẦN)**
- MẬT ĐỘ XÂY DỰNG TỐI ĐA (%)**

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:
ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG ĐÔNG KINH
KÉM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ /QĐ-UBND NGÀY THÁNG NĂM 2026

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:
PHÒNG KINH TẾ, HA TẦNG VÀ ĐÔ THỊ PHƯỜNG ĐÔNG KINH
KÉM THEO BÁO CÁO SỐ /BC-KTHT NGÀY THÁNG NĂM 2026

CƠ QUAN TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH
CÔNG TY TNHH MTV PHÁT TRIỂN XANH 888
KÉM THEO TỜ TRÌNH SỐ /TTR-QH NGÀY THÁNG NĂM 2026

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:
QUY HOẠCH CHI TIẾT DỰ ÁN SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP SẠCH KẾT
HỢP GIÁO DỤC TRẢI NGHIỆM VÀ DU LỊCH SINH THÁI, TỶ LỆ 1/500

TÊN BẢN VẼ:
BẢN ĐỒ SỬ DỤNG ĐẤT QUY HOẠCH

BẢN VẼ:	QH-03	GHÉP:	A0 x1	TỶ LỆ:	1/500	...	2026
THIẾT KẾ	KS. BUI THI QUYỀN						<i>[Signature]</i>
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KS. BUI THI QUYỀN						<i>[Signature]</i>
CHỦ NHIỆM ĐỒ ÁN	KS. BUI THI QUYỀN						<i>[Signature]</i>
Q.L. KỸ THUẬT	KTS. ĐAM ĐỨC HẢI						<i>[Signature]</i>

GIÁM ĐỐC:
[Signature]

ĐAM ĐỨC HẢI
CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ MINH BẢO



BẢNG THỐNG KÊ SỬ DỤNG ĐẤT QUY HOẠCH

STT	Chức năng đất	Ký hiệu	Diện tích (M2)	Tỷ lệ (%)	Mật độ xây dựng tối đa (%)	Tầng cao tối đa (Tầng)	Hệ số sử dụng đất (Lần)	Diện tích xây dựng (M2)	Diện tích sản (M2)
1	Đất cây xanh sử dụng công cộng		8.242,13	14,44				412,11	412,11
1.1	Đất vườn hoa	CX-01	720,35		5,00	1	0,05	36,02	36,02
1.2	Đất tổ chức sự kiện vui chơi tập trung	CX-02	3.724,75		5,00	1	0,05	186,24	186,24
1.3	Đất khu quảng trường	CX-03	2.975,41		5,00	1	0,05	148,77	148,77
1.4	Đất khu cảnh quan vườn dạo	CX-04	821,62		5,00	1	0,05	41,08	41,08
2	Đất công trình dịch vụ du lịch		11.389,69	19,95				1.887,31	5.661,92
2.1	Đất khu đón tiếp	DV-01	1.041,96		40,00	3	1,2	416,78	1.250,35
2.2	Đất nhà quản lý, nhà nghỉ nhân viên	DV-02	2.547,95		40,00	3	1,2	1.019,14	3.057,42
2.3	Đất nhà hàng	DV-03	1.128,46		40,00	3	1,2	451,38	1.354,15
2.5	Đất BUNGALOW	DV-04	4.368,50		40,00	2	0,8	1.747,40	3.494,80
2.6	Đất BUNGALOW	DV-05	2.302,92		40,00	2	0,8	921,17	1.842,34
3	Đất giao thông	GT	5.485,06	9,61				4.993,61	4.993,61
4	Đất bãi đỗ xe	BDX	2.081,46	3,65	5,00	1	0,05	104,07	104,07
5	Đất hạ tầng kỹ thuật khác		100,89	0,18				-	-
6	Đất cây xanh sử dụng hạn chế		653,57	1,14				-	-
7	Đất nông nghiệp và đất khác		29.141,30	51,04				4.889,54	4.889,54
7.1	Đất nông nghiệp		24.114,48	42,24				4.889,54	4.889,54
7.1.1	Đất vườn trồng rau theo mùa 1	NN-01	2.183,72					-	-
7.1.2	Đất vườn trồng rau theo mùa 2	NN-02	1.544,71					-	-
7.1.3	Đất vườn trồng rau theo mùa 3	NN-03	1.896,41					-	-
7.1.4	Đất vườn trồng rau theo mùa 4	NN-04	8.710,56					-	-
7.1.5	Khu sơ chế bảo quản	NN-05	1.691,28		50,00	1	0,5	845,64	845,64
7.1.6	Đất nhà kính 1	NK-01	2.956,45		50,00	1	0,5	1.478,23	1.478,23
7.1.7	Đất nhà kính 2	NK-02	3.089,99		50,00	1	0,5	1.545,00	1.545,00
7.1.8	Đất nhà kính 3	NK-03	2.041,36		50,00	1	0,5	1.020,68	1.020,68
7.2	Đất mặt nước		5.026,82	8,80				-	-
7.2.1	Mặt nước 1	MN-01	722,86					-	-
7.2.2	Mặt nước 2	MN-02	4.303,96					-	-
	Tổng		57.094,10	100,00				12.182,57	15.957,18